

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 08 - 5 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Ông Danh Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2024 ông Q yêu cầu ông Tuấn A trả cho ông 500.000.000 đồng tiền vay gốc, không yêu cầu tính tiền lãi. Tại phiên tòa, ông Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng nên yêu cầu ông Tuấn A trả 300.000.000 đồng.

Về nội dung vụ việc được nguyên đơn ông Q trình bày như sau: Vào ngày 14 tháng 9 năm 2024, ông Tuấn A có hỏi mượn của ông số tiền 500.000.000

đồng để xoay vốn làm ăn, lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không ghi vào biên nhận nợ, thời hạn trả nợ là 02 tháng. Khi vay ông Tuấn A có làm giấy và ký tên vào “Hợp đồng mượn nợ”. Sau đó khi đến hạn ông Tuấn A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông cũng nhiều lần yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ nhưng ông Tuấn A cũng không thực hiện. Về lý do ông Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là do ở cuối “Hợp đồng mượn nợ” có ghi “25-10-2024 đưa trước 200.000.000”, nội dung này là do ông Tuấn A ghi nhầm mục đích xác định thời hạn trả nợ cho ông nhưng ghi không rõ ràng và không có chữ ký xác nhận của ông Tuấn A nên phần này ông và ông Tuấn A sẽ tính toán lại sau mà không yêu cầu trong vụ án này.

- Về ý kiến và trình bày của bị đơn ông Nguyễn Tuấn A: Ông Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án.

- Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Q chấp hành đúng quy định của pháp luật; ông Tuấn A chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt theo thông báo, giấy báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ “Hợp đồng mượn nợ” do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung vay tiền, chữ ký của ông Tuấn A. Đồng thời, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tuấn A nhưng ông Tuấn A không cung cấp tài liệu chứng cứ để Tòa án xem xét, không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của ông Q. Vì vậy, căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày và “Hợp đồng mượn nợ” do ông Q cung cấp khẳng định ông Tuấn A có vay 500.000.000 đồng của ông Q. Tuy nhiên, “Hợp đồng mượn nợ” có nội dung ghi “25-10-2024 đưa trước 200.000.000”, đây là nội dung chưa rõ ràng nên ông Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 200.000.000 đồng, yêu cầu ông Tuấn A trả 300.000.000 đồng. Ông Q không yêu cầu trả lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản buộc ông Tuấn A trả 300.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Tuấn A trả 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Q khởi kiện ông Tuấn A yêu cầu trả tiền vay do vi phạm thỏa thuận trả nợ, đồng thời ông Tuấn A có đăng ký hộ khẩu và sinh sống cùng gia đình tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Long An, hợp đồng mượn nợ cũng ghi địa chỉ nêu trên nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Tuấn A vẫn vắng mặt tại các phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Tuấn A.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định cho ông Tuấn A nhưng ông Tuấn A không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Ông Tuấn A không hợp tác, không thực hiện quyền tranh tụng là tự tước đi quyền do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do đương sự khác cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của ông Q: Ông Q xác định ông Tuấn A có vay của ông số tiền 500.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ là 02 tháng, lời trình bày này của ông Q phù hợp với giấy có tiêu đề “Hợp đồng mượn nợ” viết ngày 14/9/2024 có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Tuấn A. Nên xác định giữa ông Q và ông Tuấn A có xác lập hợp đồng vay tài sản, ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Tuy nhiên, ông Q cho rằng số tiền 200.000.000 đồng được ghi ở cuối giấy “Hợp đồng mượn nợ” là do ông Tuấn A ghi nhầm mục đích xác định thời hạn trả nợ cho ông Q nhưng nội dung này không rõ ràng nên ông chỉ yêu cầu ông Tuấn A trả 300.000.000 đồng nợ vay gốc là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Hợp đồng không có thỏa thuận về lãi suất, nay ông Q cũng không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q: Tại phiên tòa, ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng để thương lượng với ông Tuấn A. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 219, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của ông Q.

Từ các nhận định trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì yêu cầu của ông Q được chấp nhận nên ông Q được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Tuấn A phải

chịu án phí 5% đối với nghĩa vụ trả nợ cho ông Q (300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Tuấn A phải trả cho ông Nguyễn Phú Q số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Phú Q có quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

H lại cho ông Nguyễn Phú Q 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002192 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

Đối với người có mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người vắng mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;

- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu